

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ M
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 80/2021/DS-ST

Ngày: 23/12/2021

V/v tranh chấp “Hợp đồng
dịch vụ”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M, TỈNH TIỀN GIANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Thuận Thảo**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Kim Huy Bằng**.

2. Bà **Lê Thị Bé Bẩy**.

Thư ký phiên tòa: Anh **Trần Minh Cường** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 23 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 125/2021/TLST-DS ngày 28 tháng 04 năm 2021 về tranh chấp “Hợp đồng dịch vụ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2021/QĐXX-ST ngày 22 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 102/2021/QĐST – DS ngày 09 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Lê Tấn K**, sinh năm 1940. (Có mặt)

Địa chỉ: Đ, Phường N, TP M, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Minh Hoàng H**, sinh năm 1972. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố B, Phường M, TP M, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện ngày 28/04/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Tấn K trình bày:**

Ông Lê Tấn K có dự định kiện Công ty đo đạc không thực hiện hợp đồng nên ông có đến nhà luật sư Nguyễn Minh H ở Phường M và được ông H giới thiệu con là luật sư Nguyễn Minh Hoàng H biện hộ giấy tờ nhưng ông không tiếp tục đòi bồi thường do công ty đo đạc trên không có lỗi.

Sau đó ông cũng có 01 vụ kiện tranh chấp quyền sử dụng đất tại Tòa án nhân dân TP M nên ông có nhờ chị Nguyễn Minh Hoàng H biện hộ và chị H đòi tiền công là 10.000.000 đồng, ông đã đưa trước số tiền 5.000.000 đồng cho chị H. Chị H có viết Phiếu thu nhận số tiền 5.000.000 của ông vào ngày 07/11/2020 có nội dung là: Chi phí đại diện ủy quyền vụ tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại giữa ông K với ông S, ông Kh, H. Sau đó chị H có báo

02 lần cho ông biết là Tòa án sẽ hòa giải và đưa vụ án ra xét xử trước tết âm lịch nhưng ông chờ hoài không thấy thông báo của Tòa án nên ông đến hỏi chị H thì chị H yêu cầu ông làm giấy ủy quyền để chị H có đủ tư cách đại diện ông đến Tòa án. Nhưng cả 03 lần hẹn đi công chứng làm giấy ủy quyền thì chị Nguyễn Minh Hoàng H không đến bảo là bận hòa giải. Ông K có đến Tòa án hỏi thì Thẩm phán giải quyết vụ kiện nêu trên của ông cho biết chị Nguyễn Minh Hoàng H không có đến Tòa lần nào. Ông K đã đến nhà chị H để đòi tiền nhưng không gặp chị H, có 01 lần ông gặp chị H thì chị H nói chỉ trả lại cho ông số tiền 2.500.000 đồng, còn số tiền 2.500.000 đồng còn lại là trừ tiền công thì ông không đồng ý.

Nay ông K yêu cầu chị Nguyễn Minh Hoàng H phải có trả lại ông số tiền 5.000.000 đồng. Thời gian trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Các khoản còn lại gồm tiền công đi lại và tiền lãi như trong đơn khởi kiện thì ông không có yêu cầu.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Minh Hoàng H, Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã thực hiện việc tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng thủ tục hợp lệ. Bị đơn chị Nguyễn Minh Hoàng H dù đã nhận Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng không nộp bản tự khai trình bày ý kiến của mình, không dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Tấn K thuộc tranh chấp dân sự là “Hợp đồng dịch vụ”. Bị đơn chị Nguyễn Minh Hoàng H cư trú tại Khu phố B, Phường M, TP M, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Minh Hoàng H vắng mặt tại phiên tòa không lý do mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Minh Hoàng H.

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Tấn K vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Nguyễn Minh Hoàng H phải có trách nhiệm trả cho ông K số tiền 5.000.000 đồng, thời gian ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình trong giai đoạn xét xử, ông Lê Tấn K đã cung cấp cho Tòa án 01 bản gốc Phiếu thu ngày 07/11/2020 và ông K khẳng định Phiếu thu số tiền 5.000.000 đồng vào ngày 07/11/2020 là của chị Nguyễn Minh Hoàng H viết và ký tên.

Nhận thấy tại Phiếu thu ngày 07/11/2020 thể hiện nội dung chị Nguyễn Minh Hoàng H có nhận của ông Lê Tấn K số tiền 5.000.000 đồng là chi phí đại diện ủy quyền vụ tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại giữa ông K với ông S, Kh, H.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Lê Tấn K khẳng định cả 03 lần hẹn đi công chứng làm giấy ủy quyền thì chị Nguyễn Minh Hoàng H không đến bảo là bận hòa giải và chị Nguyễn Minh Hoàng H không có đến Tòa án lần nào để liên hệ giải quyết vụ kiện của ông K. Do hai bên không có làm thủ tục ủy quyền (hợp đồng ủy quyền) tại phòng công chứng, nên chị Nguyễn Minh Hoàng H chưa có tư cách là đại diện ủy quyền của ông K đến Tòa án để liên hệ giải quyết vụ kiện mà ông K yêu cầu.

Đồng thời, đối với bị đơn chị Nguyễn Minh Hoàng H. Sau khi Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã thực hiện việc tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các và Thông báo dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các thông báo kết quả phiên họp và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp theo đúng thủ tục hợp lệ. Nhưng bị đơn chị Nguyễn Minh Hoàng H không đến dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không nộp bản tự khai, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và ý kiến đối với chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự cho thấy chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hợp lệ. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ.

Xét thấy trong mối quan hệ tranh chấp này, chị Nguyễn Minh Hoàng H là người có lỗi đã vi phạm hợp đồng. Nay ông Lê Tấn K yêu cầu chị Nguyễn Minh Hoàng H trả cho ông K số tiền 5.000.000 đồng, thời gian trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở. Buộc chị Nguyễn Minh Hoàng H phải trả cho ông Lê Tấn K số tiền 5.000.000 đồng ngay khi bản án có hiệu lực là phù hợp.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn ông Lê Tấn K có đơn xin miễn tạm ứng án phí thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Áp dụng Điều 513, Điều 514, Điều 357 Bộ luật dân sự.
- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.
- Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tấn K. Buộc chị Nguyễn Minh Hoàng H phải thực hiện nghĩa vụ trả cho ông Lê Tấn K số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Thời gian trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Minh Hoàng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Ông Lê Tấn K được miễn nộp tiền tạm ứng án phí quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

3. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND. TP M.
- Chi cục THADS. TP M.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Võ Thị Thuận Thảo

